

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày 27- 4- 2023
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K , TỈNH T

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hòa, ông Nguyễn Trọng Hùng;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện K : Ông Phạm Thật- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2023. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K , tỉnh T , xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà N T H , sinh năm 1954

Địa chỉ: khu L , xã K , huyện K , tỉnh T

2- Bị đơn: Bà H T L , sinh năm 1967

Địa chỉ: khu Đ , xã K , huyện K , tỉnh T

(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 19/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà N T H trình bày:** Bà và gia đình bà N T L có mối quan hệ là anh em họ xa với nhau. Do tin tưởng vợ chồng bà L , ông V là cán bộ nên khi bà L đến nhà bà hỏi vay nóng tiền của bà thì bà đã cho vay, các lần vay thì chỉ có bà L đến hỏi và nhận tiền từ bà, nhưng do bà L có chồng là ông V nên bà đã yêu cầu bà L phải viết cả tên chồng bà L là ông H Q V vào giấy tờ vay nợ để ông V phải có trách nhiệm cùng bà L trả nợ cho bà mặc dù ông V không đến hỏi vay tiền và nhận tiền từ bà. Bà L vay tổng cộng là 02 lần trong ngày vào ngày 14/5/2021 âm lịch (lần một: vay 20 triệu đồng, lần hai: vay là 80 triệu đồng). Tổng số tiền là: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Khi bà H cho bà L vay tiền, bà L có viết giấy vay tiền đưa cho bà H giữ bản

gốc, nhưng trong giấy vay tiền không thể hiện thời hạn trả nợ khoản tiền gốc, lãi suất, mới đầu bà H không tính lãi vì bà L chỉ hỏi vay nóng vài hôm nhưng sau khi bà L không trả được gốc như đã hứa với bà H nên hai bên đã thoả thuận miệng với nhau về mức lãi xuất bà L trả cho bà H 1,3%/tháng/khoản tiền vay và bà H yêu cầu bà L phải viết tên ông V chồng bà L vào giấy vay nợ để ông V cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà L .

Kể từ đó thì bà L vẫn trả lãi hàng tháng cho bà H nhưng không trả đủ, vào tháng 01/2023 do bà H đòi nợ rất nên bà L đã trả cho bà được 8.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Về nguồn gốc của khoản tiền bà H cho bà L vay là tiền của cá nhân bà H (vì chồng bà đã chết từ năm 2010). Các lần bà L đến nhà bà H để vay tiền và nhận tiền từ bà H thì chỉ có một mình bà L đến vay tiền còn ông V không đến vay tiền của bà hay trả tiền lãi cho bà L bao giờ.

Sau khi vay được tiền thì bà L sử dụng vào việc gì bà H không biết. ông V chồng bà L có biết việc bà L vay tiền của bà không thì ông không biết, khi bà L không trả được tiền cho bà H thì bà H đã đến nhà bà L để yêu cầu bà L trả tiền thì ông V và bà L đã cùng nhau hứa sẽ trả tiền cho bà H nên bà H nghĩ số tiền 100 triệu đồng của bà H là nợ chung của bà L , ông V . Trong quá trình giải quyết tại toà án bà H yêu cầu bà L trả nợ gốc cho bà với mức lãi xuất là 10%/năm, khoản tiền vay (tức là 0,833%/tháng).

Về lãi xuất thì tháng 01/2023 bà L đã trả cho bà H được 8.000.000 đồng, nên từ tháng 01/2023 trở về trước thì bà H không yêu cầu bà L trả lãi. Mà lãi được tính kể từ tháng 02/2023 cho đến khi Toà án xét xử xong. Nếu bà L trả hết được khoản tiền vay gốc 100 triệu đồng luôn cho bà H thì bà H sẽ không yêu cầu bà L phải trả lãi.

Tại phiên toà bà H xin rút một phần yêu cầu về lãi đối với khoản tiền bà H cho bà L vay. Sau khi Toà án xét xử xong, bản án sơ thẩm của Toà án có hiệu lực pháp luật bà H vẫn không trả được gốc, lãi cho bà thì bà H cũng không yêu cầu bà L phải trả lãi cho bà H mà bà H chỉ yêu cầu bà L trả tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) cho bà.

*** Tại bản tự khai ngày 31/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn bà H T L trình bày:** Về thời điểm bà L vay tiền của bà H , các lần bà L vay nợ tiền của bà H , tổng cộng số tiền hiện nay bà L còn vay nợ gốc, và sự thoả thuận giữa bà H , bà L về lãi xuất và mức lãi như bà H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án là đúng, 02 giấy vay nợ viết tay bản gốc viết ngày 14/5/2021 là do bà Lan viết theo mẫu có sẵn của bà H và đưa cho bà H giữ bản gốc. Tổng số tiền gốc bà L vay của bà H là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Việc vay nợ giữa bà L với bà H là khoản vay nợ cá nhân. Mục đích bà L vay tiền về để góp vốn làm ăn ông V không biết, chỉ khi bà L không có trả cho bà H thì bà H đến nhà bà L để đòi nợ khi đó ông V mới biết và ông V hứa khi nào có tiền ông V sẽ giúp đỡ tôi trả nợ cho bà H .

Tại phiên toà bà H yêu cầu bà L trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng thì bà cũng nhất trí với yêu cầu của bà H và bà L không đồng ý trả một lần đối với số tiền 100.000.000 đồng và bà L xin trả dần khoản tiền nợ gốc cho bà H hàng tháng (nhưng bà không nói cụ thể hàng tháng trả cho bà H là bao nhiêu tiền).

Do hiện nay kinh tế của bà còn khó khăn, bà nợ nhiều nếu trả cho bà H tất cả tiền gốc 100.000.000 đồng một lần thì bà L không có khả năng kinh tế để trả nợ.

Đối với khoản tiền 8.000.000 đồng bà L đã chuyển khoản cho bà H vào tháng 01/2023 trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thì bà L đã trình bày trả cho khoản vay nợ gốc. Tại phiên tòa bà L đồng ý số tiền 8.000.000 đồng chuyển khoản cho bà H là để trả cho khoản tiền lãi bà lan còn nợ của bà H từ thời điểm tháng 01/2023 trở về trước.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bà L trả nợ gốc một lần cho bà số tiền là 100.000.000 đồng và bà xin rút yêu cầu về trả lãi đối với bà L và bà chỉ yêu cầu bà L là người trực tiếp đến vay tiền và nhận tiền từ bà thì phải có nghĩa vụ trả nợ khoản tiền gốc 100.000.000 đồng cho bà. Bị đơn giữ nguyên quan điểm nhất trí trả tiền gốc 100.000.000 đồng cho bà H nhưng không đồng ý trả nợ một lần mà xin trả nợ dần hàng tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn là bà H T L có hộ khẩu thường trú tại xã K, huyện K, tỉnh T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và bản tự khai của các đương sự trong quá trình giải quyết, căn cứ Điều 463 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ áp dụng trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp vay không kỳ hạn và không xác định rõ lãi xuất được quy định tại khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Nội dung yêu cầu của đương sự:

3.1. Về yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn: Quá trình giải quyết tại Tòa án bà N T H khởi kiện yêu cầu bà H T L và yêu cầu Tòa án buộc bà L trả cho bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng mà bà đã cho bà L vay ngày 14/5/2021 âm lịch. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, bà H đã cung cấp cho Tòa án “02 giấy biên nhận vay tiền ngày 14/5/2021” nội dung trong giấy vay tiền do bà L viết và ký tại nhà bà H theo mẫu đánh sẵn của bà H. Quá trình giải quyết và tại phiên Tòa các đương sự đều trình bà L là người đến vay tiền và nhận tiền trực tiếp từ bà H, ông V không đến vay tiền, không nhận tiền từ bà H. Quá trình vay nợ bà L phải trả tiền lãi cho bà H nhưng ông V chưa lần nào đến trả tiền lãi cho bà H. Quá trình giải quyết tại Tòa án bà H căn cứ vào “02 giấy biên nhận vay tiền ngày 14/5/2021” của bà L viết có tên ông V để bà yêu cầu cả bà L và ông V cùng phải có nghĩa vụ trả cho bà khoản tiền gốc 100.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà H đã nhận thức được việc bà yêu cầu ông V cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà cùng với bà L là không có căn cứ nên bà H không yêu cầu ông V phải trả nợ cho bà, bà chỉ yêu cầu bà H T L là người đến trực tiếp hỏi vay tiền và nhận tiền từ bà có nghĩa vụ trả nợ cho bà là có căn cứ chấp nhận. Do đó, khoản tiền gốc 100.000.000 đồng bà H cho bà L vay là khoản nợ riêng giữa bà H và bà L không liên quan đến ông V nên cần buộc bà H T L có nghĩa vụ trả nợ 100.000.000 đồng làm một lần cho bà N T H là phù hợp với quy định pháp luật.

3.2. Về chứng cứ: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn bà H cung cấp là phù hợp quy định pháp luật và thuộc loại chứng cứ rõ, không cần phải chứng minh, hơn nữa bị đơn bà L đã thừa nhận có vay của nguyên đơn bà H khoản tiền gốc là 100.000.000 đồng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà L phải trả khoản tiền gốc 100.000.000 đồng, trả làm một lần cho bà H.

3.3. Về lãi xuất: Trong quá trình giải quyết tại Tòa thì bà H yêu cầu bà L phải trả lãi cho bà từ tháng 02/2023 đến khi Tòa án xét xử là ngày 27/4/2023 = 02 tháng 27 ngày với mức lãi xuất = 10%/năm = 0,833%/tháng = 2.409.000đ (Hai triệu bốn trăm linh chín nghìn đồng).

Tại phiên tòa bà H xin rút yêu về việc trả lãi đối với khoản tiền 100.000.000 của bà H T L kể từ tháng 02/2023 đến ngày Tòa án xét xử là ngày 27- 4 -2023 và sau khi Tòa án xét xử xong bản án có hiệu lực pháp luật thì bà H cũng không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi cho bà mà bà H chỉ yêu cầu bà L trả khoản tiền gốc 100.000.000 đồng cho bà làm một lần là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu lãi xuất đối với khoản tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của bà N T H.

Như vậy số tiền mà bà H T L còn phải trả cho bà N T H là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 219; Điều 244; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; khoản 4 Điều 466; Điều 469; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

[1]. Về trả nợ gốc: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N T H. Buộc bà H T L có nghĩa vụ trả cho bà N T H số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không lãi xuất, trả làm một lần.

[2]. Đình chỉ một phần yêu cầu về lãi xuất đối với khoản tiền vay gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) của bà H T L.

Khi án có hiệu lực pháp luật bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[3]. Về án phí: Buộc bà H T L phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện K;
- THA-DS huyện K;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thảo